

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2025

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14- GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Hội;

2. Ông Nguyễn Văn Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14- Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Quốc Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14- Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2025 về: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2025. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1970; địa chỉ: Làng Đ, xã T (trước là xã T, huyện K), tỉnh Gia Lai;

- Bị đơn: Ông Trịnh Ngọc C, sinh năm 1966; địa chỉ: Làng Đ, xã T (trước là xã T, huyện K), tỉnh Gia Lai;

Bà Nguyễn Thị Hải Y có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Trịnh Ngọc C vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hải Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông C qua thời gian quen biết tìm hiểu tự nguyện về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh Gia Lai vào ngày 01/9/1989.

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian dài mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, sau đó ngày càng trầm trọng và không tự hòa giải được. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp tính tình, không có sự tin tưởng và đùm bọc yêu thương nhau nên hay xảy ra cãi vã khiến cho cuộc sống hôn nhân căng thẳng, không có hạnh phúc. Bà và ông C đã sống ly thân với nhau được hơn

15 năm, ai cũng có cuộc sống riêng và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà xét thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trịnh Ngọc C.

Về con chung: Bà và ông C có 03 con chung tên Trịnh Ngọc D, sinh ngày 1990; Trịnh Duy K, sinh năm 1993 và Trịnh Kiều M, sinh năm 1994. Hiện các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động và tự lập được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông C có tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/6/2025, bị đơn ông Trịnh Ngọc C trình bày: Ông không đồng ý ly hôn với bà Y.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông xin vắng mặt khi Tòa mời.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Nguyễn Thị Hải Y và Trịnh Ngọc C (bản sao); 05 Căn cước công dân mang tên Trịnh Ngọc C; Nguyễn Thị Hải Y; Trịnh Ngọc D; Trịnh Duy K và Trịnh Kiều M (bản pho to);

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Bà và ông C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh Gia Lai vào ngày 01/9/1989. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do bà Y giao nộp là bản sao 01 Giấy chứng kết hôn mang tên Nguyễn Thị Hải Y và Trịnh Ngọc C. Bà Y và ông C có 03 con chung tên Trịnh Ngọc D, sinh ngày 1990; Trịnh Duy K, sinh năm 1993 và Trịnh Kiều M, sinh năm 1994. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do bà giao nộp là 03 căn cước công dân mang tên Trịnh Ngọc D; Trịnh Duy K và Trịnh Kiều M (bản pho to).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Gia Lai phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Hải Y được ly hôn với ông Trịnh Ngọc C.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hải Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). (*Có kèm theo bài phát biểu*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hải Y có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc “*Ly hôn*” giữa bà và ông Trịnh Ngọc C đang sinh sống tại làng Đ, xã T, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14-Gia Lai (trước là Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai).

[2] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hải Y có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trịnh Ngọc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Trịnh Ngọc C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh Gia Lai vào ngày 01/9/1989 theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Trịnh Ngọc C là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hải Y:

Trong quá trình chung sống giữa bà Y và ông C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình hai bên không hợp nhau; vợ chồng không có tiếng nói chung; cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Mặc dù ông C không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án đã tiến hành triệu tập ông C nhiều lần đến Tòa để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông C không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với bà Y; ông C đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bên cạnh đó, tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 26/8/2025 thể hiện ông C và bà Y đã không còn chung sống cùng với nhau.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Y và ông C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho bà Nguyễn Thị Hải Y được ly hôn với ông Trịnh Ngọc C.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Trịnh Ngọc C có 03 con chung tên Trịnh Ngọc D, sinh ngày 1990; Trịnh Duy K, sinh năm 1993 và Trịnh Kiều M, sinh năm 1994. Hiện các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động và tự lập được nên hai đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Trịnh Ngọc C có tài sản chung và nợ chung nhưng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hải Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51; Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hải Y.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Hải Y được ly hôn với ông Trịnh Ngọc C.

[2] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hải Y phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Y đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0002583 ngày 17/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[3] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 14-Gia Lai;
- THADS khu vực 14-Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc